

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 25.610
	Giờ: Ngày 1 tháng 9 năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Jean - Luc Costa	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Henri Gurs	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất từng giai đoạn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2010



Số. 042/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh và công ty con (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2009 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến quỹ tiền lương tạm hạch toán và khoản chênh lệch tỷ giá của Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC"), một công ty liên doanh, chưa hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2010 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái của UIC chưa hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 3 và 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào UIC theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của UIC chưa được soát xét.

Trên cơ sở công tác soát xét, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên liên quan đến phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá của UIC và báo cáo tài chính của UIC cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của UIC chưa được soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 8 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tứ
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B01-DNBH/HN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.045.099.262.454	1.819.329.588.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	250.119.184.312	287.798.179.549
1. Tiền	111		193.119.184.312	179.798.179.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.000.000.000	108.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	722.355.706.151	724.837.197.368
1. Đầu tư ngắn hạn	121		736.139.978.990	732.681.491.228
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.784.272.839)	(7.844.293.860)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.033.973.578.380	795.228.929.255
1. Phải thu khách hàng	131		615.458.636.346	449.586.732.182
2. Trả trước cho người bán	132		60.972.313.915	54.803.054.707
3. Các khoản phải thu khác	135		372.194.849.611	305.933.107.986
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(14.652.221.492)	(15.093.965.620)
IV. Hàng tồn kho	140		4.553.477.961	3.507.647.670
1. Hàng tồn kho	141		4.553.477.961	3.507.647.670
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.097.315.650	7.957.634.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		408.960.502	234.872.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.399.012.332	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.289.342.816	7.722.762.042
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.798.082.529.208	1.917.518.848.753
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.463.853.994	43.589.528.162
1. Phải thu dài hạn khác	218		22.463.853.994	43.589.528.162
II. Tài sản cố định	220		421.773.042.185	400.711.114.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	90.336.054.968	87.306.082.107
- Nguyên giá	222		179.861.132.647	169.649.406.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.525.077.679)	(82.343.324.506)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	271.634.911.328	269.426.134.168
- Nguyên giá	228		286.779.156.361	281.783.269.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.144.245.033)	(12.357.135.263)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	59.802.075.889	43.978.898.251
III. Bất động sản đầu tư	240	3	7.655.042.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		7.655.042.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.294.852.403.777	1.435.187.824.231
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	9	198.874.655.471	134.662.883.183
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	1.099.311.764.306	1.303.828.274.382
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(3.334.016.000)	(3.303.333.334)
V. Tài sản dài hạn khác	260		51.338.186.752	30.375.339.334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	42.847.652.320	21.989.511.708
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.123.849.003
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.490.534.432	2.261.978.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.843.181.791.662	3.736.848.437.036

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B01-DNBH/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.524.924.772.573	1.383.873.437.180
I. Nợ ngắn hạn	310		408.048.317.116	484.566.728.460
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	100.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		262.415.650.719	234.587.255.568
3. Người mua trả tiền trước	313		35.513.735.331	40.747.867.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	54.359.927.264	44.520.519.487
5. Phải trả người lao động	315		6.119.148.553	1.386.611.117
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		65.999.977.769	68.002.512.171
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(16.360.122.520)	(4.678.037.437)
II. Dự phòng nghiệp vụ	320	13	1.116.654.543.532	899.109.987.696
1. Dự phòng phí	321		715.238.707.070	595.143.412.219
2. Dự phòng bồi thường	322		213.129.296.453	141.011.636.374
3. Dự phòng dao động lớn	333		188.286.540.009	162.954.939.103
III. Nợ dài hạn	330		221.911.925	196.721.024
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		62.111.925	41.921.024
2. Phải trả dài hạn khác	343		159.800.000	154.800.000
B. NGUỒN VỐN	400		2.223.907.837.465	2.256.583.054.685
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	2.223.907.837.465	2.256.583.054.685
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		17.652.252.888	17.080.372.504
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		656.021.813	656.021.813
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.354.440.477	656.021.813
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	422		33.365.294.003	33.365.294.003
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		728.132.584	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		281.667.621.251	316.341.270.103
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	15	94.349.181.624	96.391.945.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		3.843.181.791.662	3.736.848.437.036


 Vũ Thị Dung
 Người lập


 Nguyễn Phú Thủy
 Kế toán trưởng




 Lê Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 8 năm 2010


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02a-DNBH/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.059.424.805.140	913.411.694.686
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		86.383.448.080	86.358.185.402
Các khoản giảm trừ	03		(301.421.556.351)	(284.142.494.607)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	04		(286.475.860.486)	(272.079.433.070)
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	05		(231.528.893)	(336.256.107)
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	06		(14.714.166.972)	(11.726.805.430)
Phí bảo hiểm giữ lại			844.386.696.869	715.627.385.481
Tăng dự phòng phí	08		(120.095.294.851)	(71.089.882.986)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		38.462.207.483	37.887.492.778
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		883.995.303	16.729.945
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		763.637.604.804	682.441.725.218
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(366.167.931.518)	(451.500.132.729)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(32.692.222.689)	(36.700.536.037)
Trừ các khoản khấu trừ	17		67.018.020.562	137.571.921.128
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		65.076.660.447	135.520.895.980
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	19		1.721.209.046	1.860.920.295
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	20		220.151.069	190.104.853
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(331.842.133.645)	(350.628.747.638)
Tăng dự phòng bồi thường	23		(72.020.010.078)	(51.436.425.098)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(25.331.600.906)	(21.468.821.564)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(71.673.996.516)	(77.404.224.811)
Chi đòi người thứ ba	29		(24.450.000)	(40.967.359)
Thu xử lý hàng bồi thường 100%	30		-	6.522.727
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(464.243.999)	(385.563.002)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(3.231.019.848)	(5.753.501.572)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33		(272.384.117)	(4.910.411.975)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(20.915.278.400)	(17.597.852.880)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(525.775.117.509)	(529.619.993.172)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		237.862.487.295	152.821.732.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(242.968.933.590)	(179.115.015.785)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(5.106.446.295)	(26.293.283.739)
Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	113.642.162.559	139.696.890.039
Chi phí tài chính	47	17	(41.246.914.979)	(13.818.816.011)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		72.395.247.580	125.878.074.028
Thu nhập khác	52		522.126.211	647.079.147
Chi phí khác	53		(4.351.273)	(94.129.846)
Lợi nhuận khác	54		517.774.938	552.949.301
Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên doanh	55	9	8.945.069.794	11.454.932.462
Lợi nhuận trước thuế	56		76.751.646.017	111.592.672.052
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	18	(15.174.765.289)	(11.933.655.766)
Lợi nhuận sau thuế	61		61.576.880.728	99.659.016.286
Phân phối cho: Lợi ích cổ đông thiểu số	62		2.485.330.639	3.288.048.618
Lợi ích của cổ đông Tổng Công ty	63		59.091.150.069	96.370.967.668
Lãi trên cổ phiếu	70	19	783	1.276


Vũ Thị Dung
Người lập


Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng


Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B03-DNBH/HN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76.751.646.017	111.592.672.052
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.091.115.736	7.680.709.433
Các khoản dự phòng	03	223.422.728.549	143.990.829.648
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.324.152.319)	(4.927.038.343)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(77.444.246.395)	(105.141.300.735)
Chi phí lãi vay	06	3.245.306.667	801.422.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	226.742.398.255	153.997.294.277
Tăng các khoản phải thu	09	(227.370.553.594)	(289.641.389.503)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.045.830.291)	(757.747.578)
Tăng các khoản phải trả	11	125.795.174.521	380.150.114.173
Tăng chi phí trả trước	12	(21.032.228.715)	(261.940.481)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.245.306.667)	(801.422.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.787.635.994)	(16.252.006.284)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.304.026.165	685.162.410.023
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(107.656.947.777)	(818.922.716.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.296.904.097)	92.672.595.524
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(31.153.043.395)	(169.479.777.215)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác	22	14.720.000	183.491.326
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(418.675.592.615)	(1.378.509.759.500)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	712.031.822.256	1.365.740.435.153
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(256.180.117.802)	(32.385.415.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.145.695.170	67.752.406.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	114.885.622.927	124.592.686.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	176.069.106.541	(22.105.932.871)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	(61.000.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.000.000.000)	161.000.000.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(104.775.350.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.775.350.000)	9.400.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	50	(47.003.147.556)	79.966.662.653
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn	60	287.798.179.549	229.860.955.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	9.324.152.319	4.927.038.343
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn	70	250.119.184.312	314.754.656.059



Vũ Thị Dung
 Người lập



Nguyễn Phú Thủy
 Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 8 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty mẹ"), công ty con và công ty liên doanh, cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Công ty mẹ có 60 chi nhánh trên cả nước và hoạt động chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.815 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.811 người).

Công ty con

Công ty chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập theo theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trụ sở chính của Công ty con tại số 10 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Công ty con có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,08% vốn điều lệ tương đương với 70,08% quyền biểu quyết.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty con là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 62 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 62 người).

Công ty liên doanh

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp - UIC (gọi tắt là "Công ty liên doanh") là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty liên doanh tại số 2 Ngô Quyền, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tài bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn 6 tháng kể từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (sau đây gọi tắt là "Công ty con") được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	05 - 25
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 5 năm. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá và không tiến hành khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của Công ty liên doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong giai đoạn, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2009: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỉ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	13.149.580.476	12.263.093.752
Tiền gửi ngân hàng	169.946.933.533	166.835.085.797
Tiền đang chuyển	10.022.670.303	700.000.000
Các khoản tương đương tiền	57.000.000.000	108.000.000.000
	<u>250.119.184.312</u>	<u>287.798.179.549</u>

Các khoản tiền tương đương thể hiện các khoản ký gửi có kỳ hạn với thời hạn ít hơn 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu chưa niêm yết	Khác	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
GIÁ GỐC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2010	131.705.449.077	63.030.953.060	537.945.089.091	732.681.491.228
Tăng	26.963.571.799	600.000.000	251.000.000.000	278.563.571.799
Giảm	<u>(31.250.759.037)</u>	-	<u>(243.854.325.000)</u>	<u>(275.105.084.037)</u>
Tại ngày 30/6/2010	<u>127.418.261.839</u>	<u>63.630.953.060</u>	<u>545.090.764.091</u>	<u>736.139.978.990</u>
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2010	(7.844.293.860)	-	-	(7.844.293.860)
Tăng	<u>(5.939.978.979)</u>	-	-	<u>(5.939.978.979)</u>
Tại ngày 30/6/2010	<u>(13.784.272.839)</u>	-	-	<u>(13.784.272.839)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 30/6/2010	<u>113.633.989.000</u>	<u>63.630.953.060</u>	<u>545.090.764.091</u>	<u>722.355.706.151</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>123.861.155.217</u>	<u>63.030.953.060</u>	<u>537.945.089.091</u>	<u>724.837.197.368</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	96.336.150.752	37.764.587.404	959.192.657	30.374.636.287	4.214.839.513	169.649.406.613
Tăng trong kỳ	-	5.730.795.455	15.772.727	1.151.934.942	-	6.898.503.124
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.383.227.848	-	-	93.074.462	219.724.957	3.696.027.267
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(122.252.793)	-	(122.252.793)
Giảm khác	(260.551.564)	-	-	-	-	(260.551.564)
Tại ngày 30/6/2010	99.458.827.036	43.495.382.859	974.965.384	31.497.392.898	4.434.564.470	179.861.132.647
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	(27.197.204.077)	(28.402.346.829)	(377.920.143)	(23.346.195.469)	(3.019.657.988)	(82.343.324.506)
Khấu hao trong kỳ	(2.839.155.758)	(2.101.739.428)	(111.661.889)	(1.886.223.882)	(365.225.009)	(7.304.005.966)
Giảm do thanh lý	-	-	-	122.252.793	-	122.252.793
Tại ngày 30/6/2010	(30.036.359.835)	(30.504.086.257)	(489.582.032)	(25.110.166.558)	(3.384.882.997)	(89.525.077.679)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2010	69.422.467.201	12.991.296.602	485.383.352	6.387.226.340	1.049.681.473	90.336.054.968
Tại ngày 31/12/2009	69.138.946.675	9.362.240.575	581.272.514	7.028.440.818	1.195.181.525	87.306.082.107

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 3.847.561.660 đồng, 16.994.890.737 đồng, 35.253.809 đồng, 18.359.304.289 đồng và 1.567.154.234 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.076.163.440 đồng, 15.249.018.922 đồng, 35.253.809 đồng, 17.128.066.809 đồng và 1.421.688.514 đồng).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	242.283.848.023	39.499.421.408	281.783.269.431
Tăng trong kỳ	-	89.502.000	89.502.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.721.750.564	184.634.366	4.906.384.930
Tại ngày 30/6/2010	247.005.598.587	39.773.557.774	286.779.156.361
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	(66.620.500)	(12.290.514.763)	(12.357.135.263)
Khấu hao trong kỳ	(73.588.095)	(2.713.521.675)	(2.787.109.770)
Tại ngày 30/6/2010	(140.208.595)	(15.004.036.438)	(15.144.245.033)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	246.865.389.992	24.769.521.336	271.634.911.328
Tại ngày 31/12/2009	242.217.227.523	27.208.906.645	269.426.134.168

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.810.229.997 đồng (tại ngày 31/12/2009: 35.000.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	43.978.898.251	99.755.398.044
Tăng	24.425.589.835	201.752.285.790
Kết chuyển sang tài sản cố định	8.602.412.197	257.528.785.583
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	<u>59.802.075.889</u>	<u>43.978.898.251</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp – UIC (gọi tắt là “Công ty liên doanh”) có vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 63.246.900.000 đồng, tương đương 5.000.000 đôla Mỹ). Công ty mẹ nắm giữ 48,45% vốn điều lệ và quyền biểu quyết tại Công ty liên doanh.

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên doanh	152.781.309.450	38.074.432.500
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên doanh	46.093.346.021	96.588.450.683
	<u>198.874.655.471</u>	<u>134.662.883.183</u>

Trong giai đoạn, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty liên doanh bằng lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh là 59.654.252.048 đồng và bằng tiền mặt là 55.052.624.902 đồng.

Số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên doanh được sử dụng để hợp nhất

	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009
	đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	18,462,476,355	23.642.791.459
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh	<u>8.945.069.794</u>	<u>11.454.932.462</u>

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

C	Cổ phiếu		Khác	Tổng
	chưa niêm yết	Trái phiếu		
H	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
GIÁ GỐC ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
Tại ngày 1/1/2010	13.773.992.000	590.755.611.351	699.298.671.031	1.303.828.274.382
Tăng	25.500.000.000	75.650.106.575	87.000.000.000	188.150.106.575
Giảm	-	(185.801.023.680)	(206.865.592.971)	(392.666.616.651)
Tại ngày 30/6/2010	39.273.992.000	480.604.694.246	579.433.078.060	1.099.311.764.306
ĐỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2010	(3.303.333.334)	-	-	(3.303.333.334)
Tăng	(30.682.666)	-	-	(30.682.666)
Tại ngày 30/6/2010	(3.334.016.000)	-	-	(3.334.016.000)
ĐIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 30/6/2010	<u>35.939.976.000</u>	<u>480.604.694.246</u>	<u>579.433.078.060</u>	<u>1.095.977.748.306</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>10.470.658.666</u>	<u>590.755.611.351</u>	<u>699.298.671.031</u>	<u>1.300.524.941.048</u>

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH26 Tôn Thất Đạm, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.220.584.308	2.850.670.935
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	34.011.237.540	13,781,774,965
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.615.830.472	5,357,065,808
	<u>42.847.652.320</u>	<u>21.989.511.708</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	39.803.006.114	24.900.777.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.780.055.363	13.812.265.783
Thuế thu nhập cá nhân	(1.258.196.857)	70.518.050
Phải nộp nhà nước khác	5.035.062.644	5.736.958.560
	<u>54.359.927.264</u>	<u>44.520.519.487</u>

13. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	528.107.302.480	127.473.227.854	159.912.544.091	815.493.074.425
Số trích lập trong năm	67.036.109.739	13.538.408.520	3.042.395.012	83.616.913.271
Số dư tại ngày 31/12/2009	595.143.412.219	141.011.636.374	162.954.939.103	899.109.987.696
Số trích lập trong giai đoạn	120.095.294.851	72.117.660.079	25.331.600.906	217.544.555.836
Số dư tại ngày 30/6/2010	<u>715.238.707.070</u>	<u>213.129.296.453</u>	<u>188.286.540.009</u>	<u>1.116.654.543.532</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phiếu và số cổ phần của Công ty mẹ như sau:

	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản còn lại của Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Quỹ khác VND	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	755.000.000.000	1.140.622.846.504	367.924.575	25.689.078.679	90.541.599	13.134.453.041	258.102.963.749	2.193.007.808.147
Tăng do hợp nhất báo cáo tài chính			656.021.813			3.945.919.463		5.257.963.089
Lợi nhuận tăng trong năm							183.229.818.636	183.229.818.636
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước							6.508.444.819	6.508.444.819
Giảm do hợp nhất báo cáo tài chính		(7.138.772.055)	(367.924.575)	(49.684.268)	(90.541.599)			(7.646.922.497)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2008							(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối các quỹ							(33.174.057.509)	(33.174.057.509)
Lập quỹ dự trữ bất buộc				7.725.899.592			(7.725.899.592)	
Số dư tại ngày 31/12/2009	755.000.000.000	1.133.484.074.449	656.021.813	33.365.294.003	-	17.080.372.504	316.341.270.103	2.256.583.054.685
Lợi nhuận trong giai đoạn							59.091.150.069	59.079.200.069
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009							(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế					728.132.584		(1.426.551.248)	
Chênh lệch tỉ giá hối đoái			698.418.664			571.880.384		(571.880.384)
Giảm khác							(1.166.367.289)	(1.166.367.289)
Số dư tại ngày 30/6/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	656.021.813	33.365.294.003	728.132.584	17.652.252.888	281.667.621.251	2.223.907.837.465

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2010/BM/ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông với số tiền là 90.600.000.000 đồng (12% vốn điều lệ).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái với số tiền 17.652.252.888 đồng là khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh khi trình bày khoản đầu tư vào Công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	30/6/2010	31/12/2009
			VNĐ	VNĐ
Tổng Cty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22%	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62%	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Cty CP XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57%	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và Cổ đông bên ngoài	94.791.200.000	12,57%	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100%	755.000.000.000	755.000.000.000

15. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là 29,02%. Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại Công ty con như sau:

	30/6/2010 VNĐ
Tổng tài sản	338.860.959.897
Tổng nợ phải trả	23.496.048.052
Tài sản thuần	315.364.911.845
<i>Chi tiết như sau:</i>	
Vốn điều lệ	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	936.104.185
Quỹ dự phòng tài chính	1.932.706.160
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	1.039.001.975
Lợi nhuận chưa phân phối	11.457.099.525
Lợi ích của cổ đông thiểu số	
<i>Chi tiết như sau:</i>	
Vốn điều lệ	89.752.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	280.082.372
Quỹ dự phòng tài chính	578.265.683
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	310.869.391
Lợi nhuận chưa phân phối	3.427.964.178
	94.349.181.624

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010:

	VNĐ
Lợi nhuận trong giai đoạn	8.307.923.326
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.485.730.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.574.478.528	65.370.914.933
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	8.035.528.982	21.481.016.109
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.107.515.068	10.227.020.041
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.662.841.943	10.350.912.254
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.813.551.562	7.503.938.727
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	20.203.847.146	23.404.008.128
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.244.399.330	1.359.079.847
	<u>113.642.162.559</u>	<u>139.696.890.039</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.534.241.079	69.000.000
Chi phí quản lý phòng đầu tư	13.166.547.358	9.790.671.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.338.689.624	5.423.873.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.641.217.859	6.120.159.666
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	5.892.195.145	(24.330.024.376)
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	5.636.296.642	16.515.146.693
Chi phí tài chính khác	37.727.272	229.988.499
	<u>41.246.914.979</u>	<u>13.818.816.011</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	76.739.696.017	110.604.139.590
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(16.040.634.862)	(20.697.320.041)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	159.000.000
Thu nhập chịu thuế	<u>60.699.061.155</u>	<u>90.065.819.549</u>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	15.174.765.289	12.946.798.248
Giảm trừ thuế	-	1.013.142.482
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>15.174.765.289</u>	<u>11.933.655.766</u>

Theo Công văn số 148/TCT-PC ngày 14 tháng 1 năm 2010 của Tổng cục Thuế về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006, thì Công ty mẹ được cộng gộp các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do cổ phần hóa và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu. Công ty mẹ hiện đang xem xét và sẽ tính toán lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước do ảnh hưởng của Công văn nêu trên vào cuối năm tài chính 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong giai đoạn phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty	59.079.200.069	96.370.967.668
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	59.079.200.069	96.370.967.668
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.500.000	75.500.000
Lãi trên cổ phiếu	783	1.276

20. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Góp vốn vào Công ty liên doanh bằng lợi nhuận	59.654.252.048	-
Góp vốn vào Công ty liên doanh bằng tiền mặt	55.052.624.902	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.985.227.280	2.205.465.558

21. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Hiện nay, Tổng Công ty đang tiến hành xác định số thuế nhà thầu được miễn giảm và thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của thông tư này thì khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Một số số liệu của báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

